TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M, TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2024/HS-ST
Ngày 08 - 8 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SƠN LA.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hoà;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Khẹt và bà Trần Thị Thuý;

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Trà My, Thư ký Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên toà: Ông Hà Văn Thiều, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 133/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Lò Văn S, sinh 20/5/1977; tại: huyện M, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản H, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: La Ha; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Đảng phái: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, bị đình chỉ sinh hoạt từ ngày 22/5/2024; con ông Lò Văn H, sinh 1946 và bà Lò Thị K, đã chết; vợ Lò Thị L, sinh 1978 và 02 con, con lớn nhất sinh 1996, con nhỏ nhất sinh 2001; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính khác; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/5/2024 đến nay; có mặt tại phiên toà.

2. Lò Văn L, sinh 10/10/1984; tại: huyện M, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản H, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 5/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Đảng phái: không; con ông Lò Văn Pành, đã chết và bà Quàng Thị P, đã chết; vợ Lường Thị P, đã chết và 02 con, con lớn nhất sinh 2008, con nhỏ nhất sinh 2010; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính khác; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/5/2024 đến nay; có mặt tại phiên toà.

- *Người bào chữa cho bị cáo S:* Ông Lò Văn Điệt, là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo L:* Ông Nguyễn Phương Vũ, là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 19 giờ 30 phút, ngày 08/5/2024, Tổ công tác Công an xã C làm nhiệm vụ tại khu vực bản P, xã C, huyện M tiến hành kiểm tra người thuộc diện quản lý về ma tuý đối với Lò Văn S và Lò Văn L đang dừng xe mô tô ven đường; qua gọi hỏi Lò Văn S đã giao nộp 01 gói nilon màu trắng hai lớp bên trong có chứa cục bột màu trắng, Lò Văn S và Lò Văn L khai nhận đó là ma tuý. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người quả tang, thu giữ: 01 gói nilon màu trắng hai lớp bên trong có chứa cục bột màu trắng; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA; 01 điện thoại di động hiệu OPPO; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave Biển kiểm soát (BKS) 26B1- 58…, niêm phong vật chứng dẫn giải về Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an huyện M để điều tra theo thẩm quyền.

Lò Văn S và Lò Văn L khai về nguồn gốc ma tuý: Hồi 15 giờ, ngày 08/5/2024 Lò Văn S gọi điện nói với Lò Văn L "Mày lấy xe máy ra đón tao, rồi chở lên bản Đ để mua ma tuý, về sử dụng", Loán đồng ý điều khiển xe mô tô BKS 26B1- 589.63 chở Sơn đi đến bản Đ, tại đây S bảo L dừng xe lại chờ ở dưới dường còn S đi bộ lên bản thì gặp một người đàn ông dân tộc Mông (không biết tên, tuổi, địa chỉ) hỏi và mua được 01 gói ma tuý với số tiền 500.000VNĐ rồi quay lại chỗ Loán, nói "Mua được ma tuý rồi, về thôi", Loán điều khiển xe mô tô chở Sơn về đến bản Phiêng Phả thì dừng lại và bị bắt.

Ngày 08/5/2024 Cơ quan CSĐT Công an huyện M, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La tiến hành mở niêm phong cân tịnh tách bì, xác định khối lượng và lấy mẫu giám định tang vật thu giữ khi bắt quả tang Lò Văn S và Lò Văn L như sau: Cục bộ màu trắng trong gói nilon màu trắng có khối lượng 0,73 gam, lấy 0,1 gam làm mẫu định ký hiệu là LS. Còn lại: 0,63 gam, ký hiệu LS1; 02 mảnh nilon niêm phong lưu kho vật chứng theo quy định.

Ngày 09/5/2024, thực hiện mở niêm phong kiểm tra nội dung thông tin lưu trữ trong điện thoại của S và L, kết quả có cuộc gọi đi đến giữa các thuê bao 0377129938 của Lò Văn S và 0389016158 của Lò Văn L.

Ngày 14/5/2024 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La có Kết luận giám định số 1069/KL-KTHS, kết luận: "Mẫu giám định ký hiệu LS là ma túy; loại Heroine; khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,1 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 0,73 gam; loại Heroine".

Thực hiện điều tra, xác minh đối với người bán trái phép chất ma túy cho Sơn nhưng không thu thập được tài liệu nào khác ngoài lời khai của Sơn. Xác minh nguồn gốc phương tiện đối với xe mô tô BKS 26B1- 589.63 xác định

không là vật chứng trong vụ án khác; là tài sản của Lò Văn L sử dụng làm phương tiện chở Sơn đi mua trái phép chất ma túy.

Bản cáo trạng số 96/CT-VKS-ML ngày 19/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo Lò Văn S và Lò Văn L về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đó là do nghiện ma túy nên đã mua ma túy cất giữ, mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị bắt như cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M luận tội và tranh luận: đề nghị tuyến bố các bị cáo Lò Văn S và Lò Văn L phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, 38, 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lò Văn S từ 26 đến 30 tháng tù; xử phạt bị cáo Lò Văn L từ 24 đến 28 tháng tù; không áp dụng phạt bổ sung đối với các bị cáo. Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu và tiêu huỷ: 0,63 gam Heroine ký hiệu LS2; 02 mảnh nilon. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 xe mô tô BKS 26B1- 589.63; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA; 01 điện thoại di động hiệu OPPO. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo S tranh luận: đồng ý với nội dung cáo trạng và lời khai bị cáo đã trình bày; sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế khó khăn, hiểu biết về đời sống xã hội và pháp luật hạn chế; khối lượng ma tuý không lớn nên đề nghị Hội đồng xét xử xét cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, 2 Điều 51, 58 Bộ luật Hình sự và cho bị cáo hưởng mức hình phạt từ 23 đến 26 tháng tù để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở về với gia đình, xã hội; đề nghị miễn án phí cho bị cáo; các nội dung khác nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho bị cáo L tranh luận: đồng ý với nội dung cáo trạng và lời khai bị cáo đã trình bày; sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế khó khăn, hộ nghèo, hiểu biết về đời sống xã hội và pháp luật hạn chế, vai trò đồng phạm nên đề nghị Hội đồng xét xử xét cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, 2 Điều 51, 58 Bộ luật Hình sự và cho bị cáo hưởng mức hình phạt từ 18 đến 20 tháng tù để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở về với gia đình, xã hội; đề nghị miễn án phí cho bị cáo; các nội dung khác nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát.

Các bị cáo bổ sung bào chữa, tranh luận: xin Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng mức án thấp nhất.

Đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo đối đáp tranh luận đều giữ nguyên ý kiến tranh luận, không ai có ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người khác không có ý kiến, khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác đinh hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung kết luận điều tra, cáo trạng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập và phản ánh trong hồ sơ của vụ án, được thẩm tra, xác minh tại phiên toà, xác định: Hồi 15 giờ, ngày 08/5/2024 Lò Văn S gọi điện bảo Lò Văn L "Mày lấy xe máy ra đón tao, rồi chở lên bản Đán Én để mua ma tuý, về sử dụng", L đồng ý điều khiển xe mô tô BKS 26B1- 589.63 chở Lò Văn S đi đến bản Đán Én, L dừng xe lại chờ, còn S đi bộ lên bản gặp một người đàn ông dân tộc Mông (không biết tên, tuổi, địa chỉ) hỏi và mua được 01 gói ma tuý với số tiền 500.000VNĐ rồi quay lại chỗ Loán, nói "Mua được ma tuý rồi, về thôi", Loán điều khiển xe mô tô chở S về đến bản P thì gặp Tổ công tác Công an xã C làm nhiệm vụ phát hiện các bị cáo cất giữ: 01 gói nilon màu trắng hai lớp bên trong có chứa cục bột màu trắng, Lò Văn S và Lò Văn L khai nhận đó là ma tuý. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang hồi 19 giờ 35 phút ngày 08/5/2024, thu giữ, niêm phong vật chứng. Tại kết luận giám định số 1069/KL-KTHS, ngày 14/5/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, kết luận: "Mẫu giám định ký hiệu LS là ma túy; loại Heroine; khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,1 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 0,73 gam; loại Heroine". Như vậy, Lò Văn S và Lò Văn L là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã cố ý trực tiếp thực hiện hành vi cất giấu, cất giữ trái phép chất ma tuý là xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma tuý, có đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lò Văn S và Lò Văn L phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự; tội phạm và hình phạt được quy định như sau: "1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine… có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam".

[3] Về tính chất mức độ của hành vi: Các bị cáo được tuyên truyền tác hại của ma tuý, bị cáo Sơn là Đảng viên nhưng ý thức coi thường kỷ cương xã hội, pháp luật của Nhà nước, vì sử dụng ma túy các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, giữa các bị cáo không có sự phân công, không có sự cấu kết chặt

chẽ nên chưa được coi là có tổ chức, theo quy định tại các Điều 17, 58 Bộ luật Hình sự thì các bị cáo là đồng phạm giản đơn, có cùng tính chất, trong đó Sơn giữ vai trò chính (là người rủ, trực tiếp mua và cất giữ trái phép chất ma túy), còn L giúp sức tích cực (dùng xe máy chở S đến khu vực mua ma túy). Hành vi cất giấu, cất giữ trái phép chất ma tuý có khối lượng 0,73 gam là nguy hiểm cho xã hội; với lỗi cố ý trực tiếp các bị cáo đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma tuý; tội phạm các bị cáo thực hiện đã hoàn thành, hành vi phạm tội nghiêm trọng, không những làm ảnh hưởng trực tiếp đến sức khoẻ, sự phát triển về thể chất của con người, suy giảm khả năng lao động do sử dụng ma túy và kinh tế của gia đình các bị cáo mà còn ảnh hưởng xấu về trật tự an toàn xã hội, trật tự trị an ở địa phương, là nguyên nhân gây ra những loại tội phạm, vi phạm pháp luật khác nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật áp dụng là đúng người, đúng tội; tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội, đề nghị phạt tù đối với các bị cáo là có căn cứ và phù hợp.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân: các bị cáo thành khẩn khai báo (khai đầy đủ, đúng sự thật tất cả những gì liên quan đến hành vi phạm tội), ăn năn hối cải (bị cáo luôn thể hiện sự cắn rứt lương tâm, chấp hành tốt nội quy, quy định nhà tạm giữ, tạm giam, mong muốn sửa chữa, cải tạo mình thành người tốt). Do đó, xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, xa, nhận thức pháp luật hạn chế, khối lượng ma tuý không lớn, mục đích tàng trữ trái phép ma túy để sử dụng, cần xem xét giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội nên cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Nhân thân: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nhưng là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy (phiếu xét nghiệm dương tính (+) với ma túy) nên cần cách ly ra ngoài xã hội một thời gian để đảm bảo giáo dục, cải tạo thành người tốt, có ích cho xã hội và cũng nhằm răn đe, phòng ngừa, giáo dục cho hành vi tương tự.

[6] Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, biên bản xác minh tài sản, lời khai của bị cáo tại phiên tòa xác định: không có tài sản giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về biện pháp ngăn chặn: áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam các bị cáo để bảo đảm việc thi hành án; các bị cáo bị tạm giữ, giam được xem xét khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

[8] Đối với người bán trái phép chất ma túy cho bị cáo, Cơ quan CSĐT đã xác minh nhưng không thu thập được tài liệu khác ngoài lời khai của bị cáo nên không có cơ sở chứng minh, xử lý theo vụ án.

[9] Vật chứng của vụ án: Cơ quan chức năng đã lấy mẫu giám định 0,1 gam Heroine không hoàn lại mẫu giám định nên không có cơ sở xử lý.

Hiện đang lưu kho vật chứng: 0,63 gam Heroine ký hiệu LS1 là vật cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu và tiêu hủy, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

02 mảnh nilon là vật dụng bị cáo sử dụng cất giữ trái phép chất ma túy, vật chứng không có giá trị nên tịch thu và tiêu hủy, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

01 xe mô tô gắn BKS 26B1- 589.63 là tài sản của bị cáo Loán, bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA là tài sản của các bị cáo, các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] Về án phí: Tài liệu trong hồ sơ xác định các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn, bị cáo và người bào chữa cho các bị cáo xin miễn nộp tiền án phí; theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các bị cáo thuộc trường hợp được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; 58 của Bộ luật Hình sự đối với cả hai bị cáo Lò Văn S và Lò Văn L.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn S và Lò Văn L phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Xử phạt:

Bị cáo Lò Văn S 23 (Hai mươi ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (09/5/2024).

Bị cáo Lò Văn L 20 (Hai mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (09/5/2024). Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cả hai bị cáo.

3. Về vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu và tiêu hủy: 0,63 gam Heroine ký hiệu LS1; 02 mảnh nilon của Lò Văn S.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA của Lò Văn S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO và 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave BKS 26B1- 589.63 của Lò Văn L (Chi tiết biên bản

giao nhận vật chứng giữa Công an huyện M và Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sơn La).

4. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Văn S và Lò Văn L.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (08/8/2024).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện M;
- CA h.M (Bộ phận Hồ sơ, CSĐT, THAHS, Nơi giam);
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hoà